

Bản án số 146/2020/HNGĐ-PT

Ngày 11/9/2020

*“V/v Tranh chấp tài sản
Khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Ngô Tiến Phong.**

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Bà Bùi Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hằng**, Thư ký tòa Lao động.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa::

Bà Trịnh Thu Tân- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2020/TLPT- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 về “Xin ly hôn”. Do Bản án sơ thẩm số 214/2020/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện H bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 185/2020/QĐPT- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Phan Thị P**, sinh năm 1977; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã K. huyện H, thành phố Hà Nội, có mặt.

Bị đơn kháng cáo: **Anh Đặng Trần H**, sinh năm 1972; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn Đ, xã K. huyện H, TP. Hà Nội; hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục Lao động số 1, tỉnh Nghệ An, có đơn xin xử án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phan Thị P và anh Đặng Trần H tự nguyện tìm hiểu rồi xây dựng gia đình. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện H, ngày 06/04/2001. Do anh H bị nghiện ma túy từ năm 1996 nhưng chị P không biết, sau khi vợ chồng kết hôn chị P đã phát hiện anh H nghiện ma túy và đã đưa anh H nhiều lần vào cơ sở bắt buộc để cai nghiện, nhưng khi hòa nhập cộng đồng, anh H lại tái nghiện ma túy. Nay chị P xin ly hôn, anh H đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đặng Phượng Hà, sinh ngày 15/3/2002 và Đặng Ngân Hà, sinh ngày 19/12/2007, sau ly hôn chị P nuôi cả 02 con, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, riêng: Năm 2010, chị P được bố mẹ đẻ của mình chia cho chị mảnh đất với diện tích 121,75m², nay là thửa đất số 138/3, tờ bản đồ số 12 tại thôn Đ, xã K. huyện H, lúc phân chia bố mẹ chị có nói rõ là chỉ cho riêng một mình chị P. Thửa đất này đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 829901 ngày 28/12/2010 mang tên bà Phan Thị P.

Năm 2011, chị P và anh H xây nhà 03 tầng bê tông cốt thép, diện tích sử dụng 1 sàn: 47m² x 3 sàn = 141m²; ngoài ra tài sản của vợ chồng còn có 02 cây nhãn; 01 cây hồng xiêm; 01 cây vú sữa; 01 cây bưởi; tường bao xây gạch; sân gạch. Qua định giá, Hội đồng định giá huyện H đã xác định tổng giá trị nhà và tài sản trên đất là 727.552.000 đồng; giá trị quyền sử dụng đất là:

$$121,75\text{m}^2 \times 20.000.000 \text{ đồng} = 2.435.000.000 \text{ đồng}.$$

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Ngoài ra, anh chị không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Tại Bản án số 214/2020/HNGĐ-ST ngày 27/6/2020 Tòa án nhân dân huyện H quyết định: Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị P. Chị Phan Thị P được ly hôn anh Đặng Trần H.

2. Về con chung: Con chung Đặng Phượng Hà, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2002 đã trưởng thành.

Giao cháu Đặng Ngân Hà, sinh ngày 19/12/2007 cho chị Phan Thị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn trở.

3. Xác định thửa đất số 138/3, tờ bản đồ số 12 tại Thôn Đ, xã K. huyện H, TP. Hà Nội là tài sản riêng của chị Phan Thị P.

4. Về tài sản chung: Một ngôi nhà 03 tầng xây bê tông cốt thép, xây năm 2012, diện tích sử dụng 1 sàn: 47m² x 3 sàn = 141m²; 02 cây nhãn; 01 cây hồng xiêm; 01 cây vú sữa; 01 cây bưởi; tường bao xây gạch; Sân gạch. Tổng giá trị tài sản chung là 727.552.000đ (Bảy trăm hai mươi bảy triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Khi ly hôn chia cho chị P anh H theo tỷ lệ 60/40.

Giao toàn bộ tài sản chung trên cho chị Phan Thị P sở hữu, chị P phải thanh toán cho anh Đặng Trần H số tiền là 291.020.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/7/2020 anh Đặng Trần H đã nộp đơn kháng cáo về phần tài sản của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và viết đơn xin xử án vắng mặt. Lý do là anh đang tập trung cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục Lao động số 1, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H. Ngoài ra, nguyên đơn còn cho biết bị đơn mắc nghiện đã lâu, tài sản của gia đình theo đó mà ra đi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án và quan điểm của các bên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã đề nghị với Hội đồng xét xử:

Do bị đơn mắc nghiện, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản chung và tài sản riêng sau đó chia tỷ lệ theo công sức đóng góp 60/40 là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 214/2020/HNGĐ-ST ngày 27/6/2020 của TAND huyện H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về hình thức:** Đơn kháng cáo bản án gửi ngày 01/7/2020 của anh Đặng Trần H nằm trong hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với nội dung vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét xử phúc thẩm.

[2] **Về Nội dung:** Chị P và anh H nay ly hôn đều có nguyện vọng chia tài sản chung, các phần khác như quan hệ hôn nhân, con chung không có kháng cáo nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

- Giới hạn của việc xét xử phúc thẩm chỉ là phần tranh chấp về tài sản trên khi vợ chồng ly hôn, theo đơn kháng cáo của anh H?.

Theo anh Đặng Trần H, vợ chồng có khối tài sản chung là cả nhà và đất, anh có nguyện vọng chia 50/50 khi vợ chồng ly hôn.

[3] Xét kháng cáo về phần chia tài sản khi ly hôn của anh Đặng Trần H thấy: Ngoài vấn đề xác định tài sản riêng của vợ hoặc chồng được cho trong thời kỳ hôn nhân như án sơ thẩm đã nêu, còn thấy: Chị P được bố mẹ đẻ của mình cho riêng về phần đất ở, đã không nhập phần tài sản riêng này vào làm tài sản chung của vợ chồng; bằng chứng là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ mang tên bà Phan Thị P. Anh H biết được điều đó đã nhiều năm nhưng không có ý kiến gì.

Xét đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ mang tên bà Phan Thị P; toàn bộ quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công khai danh sách đều theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, giá trị quyền sử dụng đất ở là tài sản riêng của chị P như án sơ thẩm xác định là đúng.

Về phần tài sản chung: Các bên đương sự và Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tài sản nằm trên đất gồm, nhà cửa, cây cối, sân gạch, bờ tường vv... có tổng giá trị là 727.552.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng; ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Chị P hiện đang làm giáo viên và nuôi dưỡng con chung; anh H mắc nghiện ma túy nhiều năm nay sống phụ thuộc và không có đóng góp gì vào kinh tế của gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho anh H được 40% tổng giá trị tài sản chung, chị P 60% tổng giá trị tài sản chung và giao cho chị P sở hữu tài sản chung để nuôi con. Chị P có trách nhiệm thanh toán lại phần tài sản được chia cho anh H là có căn cứ.

Như vậy, kháng cáo của anh Đặng Trần H không được chấp nhận.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh H không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí hôn nhân phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử y án sơ thẩm:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Đặng Trần H đối với Bản án số 214/2020/HNGĐ-ST ngày 27/6/2020 của Tòa án nhân dân, huyện H, thành phố Hà Nội về phần tài sản chung cụ thể:

Giao cho chị Phan Thị P được quyền sở hữu 01 ngôi nhà 03 tầng xây bê tông cốt thép, có diện tích sử dụng mỗi sàn là 47m² và toàn bộ tài sản khác nằm trên diện tích đất 121,75m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 829901 ngày 28/12/2010 mang tên Phan Thị P.

Chị Phan Thị P phải có trách nhiệm thanh toán ngay tiền về tài sản chung cho anh Đặng Trần H là 291.020.000 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu không trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước qui định, tương ứng với thời gian chưa thi hành án của khoản tiền chưa thi hành xong.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu Cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7.9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

2. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm. Số tiền trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, theo biên lai số 0009779 ngày 01/7/2020.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Tiến Phong